

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TP
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 137/2023/DS-ST
Ngày: 18/9/2023
V/v tranh chấp “Hợp đồng
mua bán tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TP – TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Vân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Mộng Linh.
2. Ông Nguyễn Thanh Hải.

Thư ký phiên tòa: Ông Lê Kiến Hoà – Thư ký Tòa án nhân dân huyện TP, tỉnh Bến Tre.

Trong ngày 18 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện TP xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 143/2023/TLST-DS ngày 20/4/2023 về việc “Hợp đồng mua bán tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 80/2023/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Phan Đức Q, sinh năm 1967; Địa chỉ: ấp GH A, xã GT, huyện TP, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Dương Kim H, sinh năm 1964; Địa chỉ: D2, cư xá PLB, phường 13, quận 6, thành phố Hồ Chí Minh. Có mặt.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1975 và bà Quách Thị T, sinh năm 1977; Địa chỉ: ấp ĐT, xã TP, huyện TP, tỉnh Bến Tre. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng tại tòa người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn ông Phan Đức Q - ông Nguyễn Dương Kim H trình bày:

Từ năm 2014 đến năm 2019; ông Q với ông H và bà T có ký kết hợp đồng mua bán với nhau, cụ thể: Ông Q bán thức ăn nuôi tôm, thuốc thú y thủy sản cho ông H và bà T (hợp đồng miệng). theo thoả thuận: Ông Q cung toàn bộ thức ăn và

thuốc thú ý thuỷ sản cho ông H, bà T cho đến khi kết thúc vụ nuôi. Hình thức giao hàng, ông Q giao tận ao nuôi tôm cho ông H, bà T, sau khi kiểm tra đủ hàng hoá thì ông H và bà T sẽ ký nhận vào sổ theo dõi của ông Q. Khi kết thúc vụ nuôi thì ông H và bà T phải thanh toán toàn bộ cho ông Q. Thực hiện theo hợp đồng ông Q cung cấp đủ số lượng hàng hoá theo yêu cầu của ông H và bà T. Tuy nhiên, có những vụ ông H và bà T không thanh toán đủ cho ông Q nhưng ông Q vẫn đồng ý và tiếp tục bán cho ông H và bà T.

Tính đến ngày 1/10/2019 thì ông H và bà T còn nợ ông Q là 279.493.000 đồng; ngày 15/10/2019 thì ông H và bà T ký xác nhận nợ với ông Q và hai bên không còn giao dịch với nhau. Ngày 23/11/2019 thì ông H, bà T có trả cho ông Q 100.000.000 đồng. Từ thời điểm đó cho đến nay, mặc dù ông Q nhiều lần nhắc nhở nhưng ông H và bà T không thanh toán nợ cho ông Q.

Ông Q yêu cầu giải quyết: Buộc ông H và bà T phải có nghĩa vụ liên đới giao trả cho ông Q số tiền nợ gốc là 179.493.000 đồng. Và lãi phát sinh tính từ ngày 23/11/2019 đến ngày 24/8/2023 là: $179.493.000 \text{ đồng} \times 0,83\%/\text{tháng} \times 44 \text{ tháng} = 65.546.000 \text{ đồng}$. Tổng cộng là 245.039.000 đồng.

Bị đơn Ông Nguyễn Văn H và bà Quách Thị T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ nhiều lần các thông báo nhưng Ông Nguyễn Văn H và bà Quách Thị T vẫn vắng mặt không có lý do, không cung cấp chứng cứ chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Đây là vụ án “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về thẩm quyền: Bị đơn Nguyễn Văn H và Quách Thị T hiện cư trú tại ấp ĐT, xã TP, huyện TP, tỉnh Bến Tre. Do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện TP theo quy định tại khoản 1 Điều 33, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về tố tụng: Bị đơn ông Nguyễn Văn H và bà Quách Thị T đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng đúng trình tự, thủ tục theo quy định tại Điều 177 Bộ luật tố tụng dân sự nhưng ông H và bà T đều vắng mặt không có lý do. Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông H và bà T.

[4] Về nội dung tranh chấp: Ông Q yêu cầu ông H và bà T phải có nghĩa vụ liên đới giao trả cho ông Q số tiền nợ gốc là 179.493.000 đồng. Và lãi phát sinh tính từ ngày 23/11/2019 đến ngày 24/8/2023 là: $179.493.000 \text{ đồng} \times 0,83\%/\text{tháng} \times$

44 tháng = 65.546.000 đồng. Tổng cộng là 245.039.000 đồng.

[5] Xét yêu cầu của ông Q về việc yêu cầu ông H và bà T phải có nghĩa vụ liên đới giao trả cho ông Q số tiền là 179.493.000 đồng: Xét hợp đồng mua bán tài sản được ông Q, ông Nguyễn Văn H và bà Quách Thị T được giao kết trên cơ sở tự nguyện và bình đẳng, không ai bị lừa dối hoặc bị ép buộc; các bên đều có năng lực pháp luật và năng lực hành vi dân sự nên được xem là hợp đồng hợp pháp và được công nhận theo quy định tại Điều 430 Bộ Luật Dân sự. Do đó làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên nên các bên phải có trách nhiệm thực hiện các thỏa thuận đã cam kết. Quá trình thực hiện hợp đồng ông H và T đã vi phạm hợp đồng mà hai bên đã thỏa thuận làm phát sinh tranh chấp. Lẽ đó yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Q là có căn cứ nên cần buộc các ông H và bà T phải có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Q số tiền 179.493.000 đồng là phù hợp.

[5] Xét yêu cầu của ông Q về việc yêu cầu ông H và bà T phải có nghĩa vụ liên đới giao trả cho ông Q nợ lãi phát sinh là sinh tính từ ngày 23/11/2019 đến ngày 24/8/2023 là: $179.493.000 \text{ đồng} \times 0,83\%/\text{tháng} \times 44 \text{ tháng} = 65.546.000 \text{ đồng}$ là chưa phù hợp về thời điểm tính tiền lãi chậm thực hiện nghĩa vụ. Bởi vì sau khi ông H và bà T trả 100.000.000 đồng vào ngày 23/11/2019 thì giữa ông Q với ông Hoà và bà T không có bất kỳ thỏa thuận nào về thời hạn trả tiếp theo hay thỏa thuận về việc tính tiền lãi chậm thanh toán từ thời điểm nào. Vì vậy chỉ xem xét chấp nhận việc nguyên đơn yêu cầu tính tiền lãi chậm trả được tính từ ngày Tòa án thụ lý vụ án (ngày 20/4/2023) cho đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm; cụ thể như sau: $179.493.000 \text{ đồng} \times 04 \text{ tháng} 28 \text{ ngày} \times 0.83\%/\text{tháng} = 7.349.638 \text{ đồng}$.

[6] Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên các bị đơn phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Đối với phần yêu cầu tiền lãi của nguyên đơn không được chấp nhận nên nguyên đơn phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 39, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 147, Điều 217, khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 430, 433, 440, 468 Bộ luật Dân sự 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phan Đức Q. Buộc ông Nguyễn Văn H và bà Quách Thị T có nghĩa vụ trả cho ông Phan Đức Q số tiền 186.842.638 đồng, trong đó: nợ gốc 179.493.000 đồng và nợ lãi là 7.349.638 đồng.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, có đơn yêu cầu của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

- Ông Nguyễn Văn H và bà Quách Thị T phải có nghĩa vụ liên đới nộp là 9.342.131 đồng.

- Ông Phan Đức Q phải nộp là 2.909.818 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là đồng theo biên lai thu số 0002049 ngày 18/4/2023 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện TP, ông Q được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí còn lại là 3.102.682 đồng.

3. Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày được tổng đài hợp lệ theo quy định.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện TP;
- Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre;
- Chi cục THADS huyện TP;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Cẩm Nhung

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

DƯƠNG VĂN HAI – TRỊNH XUÂN TÙNG

PHAN CẨM NHUNG

